

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÂN TÍCH ĐIỂN NGÔN ĐA PHƯƠNG THỨC<sup>1</sup>

HUỲNH THI HỒNG HẠNH<sup>2</sup>  
PHAN THANH BẢO TRẦN<sup>3</sup>

**Abstract:** *Multimodal discourse analysis* (MMDA) can be seen as a set of tools to help discourse analysts process discourse within modern social communication. This type of communication integrates many types of symbols (modalities) convenient to express and interpret information. Multimodal discourse analysis clearly shows its interdisciplinary and transdisciplinary nature and requires the cooperation of experts from many fields. It responds to changes and diversification in communication and expression and is considered an applied approach. The introduction of a more systematic and up-to-date approach for research objects, research methods and Multimodal discourse analysis hopefully can be used as a reference material on theory for interested students, trainees, and postgraduates.

**Key words:** *multimodality, discourse analysis, multimodal discourse analysis*

## 1. Về các thuật ngữ trong Phân tích diễn ngôn đa phương thức

### 1.1. Phân tích diễn ngôn đa phương thức

Các nghiên cứu về Phân tích diễn ngôn (discourse analysis) ở giai đoạn đầu chỉ chú trọng đến các diễn ngôn đơn phương thức (monomodality). Trong những năm 1960 - 1970, trong chuyên ngành này, cũng như trong các chuyên ngành khác của Ngôn ngữ học nói chung, ngôn ngữ được xem là chủ thể quan trọng nhất - nếu không nói là chủ thể duy nhất - của việc tạo nghĩa (making meaning)<sup>4</sup>, ngôn ngữ là trung tâm và là phương tiện đầy đủ duy nhất của biểu đạt và giao tiếp. Đối tượng nghiên cứu trung tâm, hoặc chính xác hơn, trọng tâm nghiên cứu của phân tích diễn ngôn giai đoạn này là ngôn ngữ và chỉ có ngôn ngữ, hình thành nên cái gọi là “chủ nghĩa đế quốc ngôn ngữ” (linguistic imperialism) hay “sự thống trị của ngôn ngữ” (the dominance of language) trong lĩnh vực nghiên cứu. Hiên nhiên cho đến nay và cả về sau này, đối với xã hội loài người, ngôn ngữ là tài nguyên kí hiệu quan trọng, đa năng và được sử dụng rộng rãi nhất trong tất cả các nguồn lực kí hiệu mà con người tạo ra được (dẫn theo Jewitt, Bezemer và O’Halloran [10, tr.16]).

Tuy nhiên, ngày nay con người cũng đã nhận ra phương tiện truyền đạt thông tin và các hoạt động giao tiếp diễn ra xung quanh chúng ta hầu hết dưới dạng đa phương thức (multimodal) hoặc đa kí hiệu (multisemiotic) - ví dụ trong một cuộc nói chuyện thông thường, người ta sẽ dùng các phương thức khác nhau như lời nói, điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt, khoảng cách, tiếp xúc cơ thể,... để trao đổi thông tin, tình cảm, cảm xúc. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của công nghệ kĩ thuật số, các hình thức giao tiếp đa phương thức như truyền hình, video, báo trực tuyến, siêu văn bản (hypertext)<sup>5</sup>,... ngày càng xuất hiện nhiều và phổ biến. Trong *Multimodal Discourse*, Kress & Van

<sup>1</sup> Đây là bài viết thuộc đề tài nghiên cứu cấp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: “Các hướng tiếp cận phân tích diễn ngôn hiện nay”, mã số T2023-2.

<sup>2</sup> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>3</sup> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>4</sup> “Tạo nghĩa” (making meaning): là các hành động diễn đạt (expressing), diễn giải (interpreting) hoặc nhận thức, hiểu (understanding) diễn ngôn [10, tr.157]. Nghĩa không chỉ được tạo ra một lần mà nhiều lần thông qua các thời điểm khác nhau và các quá trình khác nhau đối với diễn ngôn (sản xuất, thiết kế, phân phối, tiếp nhận,...).

<sup>5</sup> “Thuật ngữ “siêu văn bản”, do Ted Nelson đặt ra vào những năm 1960, được sử dụng để chỉ một dạng văn bản điện tử trong đó phương thức xuất bản được đặc trưng bởi “viết không theo trình tự”; nghĩa là, “văn bản phân nhánh và cho phép người đọc lựa chọn” dưới dạng “một chuỗi các đoạn văn bản được kết nối bằng các liên kết

Leeuwen đã nhấn mạnh: “bối cảnh Ký hiệu học của chúng ta đã khác biệt một cách cơ bản so với xã hội truyền miệng” [13, tr.10]. Và hiện nay, sau hai mươi năm, chúng ta cũng có thể nói: bối cảnh ký hiệu học của xã hội công nghệ hiện nay đã khác biệt một cách cơ bản với xã hội truyền thống: từ xã hội truyền thống với đơn phương thức là trọng tâm (chủ yếu với 02 phương thức nói và viết) sang xã hội truyền thông với đa phương thức là trọng tâm. Thế giới ngày nay là thế giới đa phương thức, đa phương tiện với một thế hệ con người đa kỹ năng [13, tr.144]. Với sự thay đổi bối cảnh xã hội và sự thay đổi về nhận thức như thế, khoảng ba thập kỉ gần đây, cùng với nhiều phân ngành khoa học xã hội nhân văn khác (nghiên cứu phim và các phương tiện truyền thông đại chúng, nghiên cứu báo chí, nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu nhân chủng học và tâm lí học), Ngôn ngữ học và chuyên ngành Phân tích diễn ngôn đã có một bước chuyển mình mà Sinclair và Coulthard [22] (dẫn theo Lemke [14, tr.80]) gọi là khai sinh một lĩnh vực nghiên cứu mới là Phân tích diễn ngôn đa phương thức (multimodal discourse analysis - MMDA<sup>6</sup>).

Theo O’Halloran [18, tr.121], MMDA quan tâm đến lí thuyết và việc phân tích các nguồn ký hiệu và sự mở rộng ngữ nghĩa xảy ra khi các lựa chọn ký hiệu kết hợp trong các hiện tượng đa phương thức. Các mối quan hệ “giữa các ký hiệu” (hoặc giữa các phương thức) phát sinh từ sự tương tác của các lựa chọn ký hiệu, được gọi là liên ký hiệu (intersemiosis).

Xét về nhiệm vụ nghiên cứu, MMDA phải điều tra, khảo sát cái tổng thể đa phương thức (multimodal whole) hoặc “bản đồng diễn đa phương thức” (multimodal ensembles) [12, tr.41] của nhiều tài nguyên ký hiệu khác nhau trong văn bản hoặc các đối tượng giống văn bản (text-like object) để tìm cho ra “ngữ pháp của mỗi và mọi phương thức ký hiệu” trong thực thể đó. Hiện nay, thuật ngữ MMDA “được sử dụng khá lỏng lẻo như là các khái niệm và các cách tiếp cận” (Tan, O’Halloran & Wignell, [23, tr.268]) trong lĩnh vực này. Tổng hợp các ý kiến, chúng tôi tạm đưa ra một định nghĩa có tính chất thao tác (working definition) về MMDA làm cơ sở cho bài viết này, như sau:

*Phân tích diễn ngôn đa phương thức (multimodality discourse analysis - MMDA) là lĩnh vực nghiên cứu các đối tượng sử dụng nhiều nguồn lực ký hiệu khác nhau với nhiều khung lí thuyết và phương pháp luận khác nhau nhằm tìm ra các đặc trưng tạo nghĩa của chúng trong biểu đạt và giao tiếp.*

Về tên gọi, theo O’Halloran [19, tr.120] thì MDA còn được gọi là đa phương thức (multimodality), phân tích đa phương thức (multimodal analysis), ký hiệu học đa phương thức (multimodal semiotics) hoặc nghiên cứu đa phương thức (multimodal studies).

Phương thức là một trong những khái niệm xuất phát điểm của lĩnh vực MMDA nhưng thuật ngữ này lại chưa có sự nhất quán trong cách hiểu. Theo Jewitt (2016) thì phương thức là “tài nguyên ký hiệu để tạo ra ý nghĩa được sử dụng trong một nền văn hóa - chẳng hạn như hình ảnh, chữ viết, cử chỉ, ánh mắt, lời nói, tư thế” [10, tr.1]. Theo Kress và van Leeuwen, phương tiện là “các nguồn tài nguyên vật chất được sử dụng để tạo ra các sản phẩm và sự kiện ký hiệu học, bao gồm cả công cụ và vật liệu được sử dụng (ví dụ: nhạc cụ và không khí;...), có thể là mực, sơn, máy ảnh, máy tính hoặc máy phát âm của con người” [13, tr.21].

Như vậy, phương thức và phương tiện đều là các nguồn tài nguyên vật chất (tức là có sự hiện hữu cụ thể về vật lí), nhưng một bên thuộc về phương diện ký hiệu, chứa đựng một sự biểu đạt ngoài chính bản thân nó, còn một bên thuộc phương diện công cụ, chất liệu dùng cho một mục đích truyền thông cụ thể. Hoặc Kress và van Leeuwen nói khái quát hơn: “phương thức thuộc về phương diện nội dung (“content” side) và phương tiện thuộc về phương diện diễn đạt (“expression” side).” [13, tr.20].

---

cung cấp cho người đọc những con đường khác nhau” thông qua một giao diện màn hình tương tác (Landow, 1997: 3)” [3, tr.131].

<sup>6</sup> Kress (2012) viết tắt multimodal discourse analysis là MMDA vì để phân biệt với MDA là chữ viết tắt của mediated discourse analysis (phân tích diễn ngôn trung gian). Trong bài này chúng tôi sử dụng cách viết tắt của nhóm tác giả Jewitt, Bezemer & O’Halloran [10].

Chính vì vừa có điểm giống và điểm khác, nên sự phân biệt giữa phương thức và phương tiện không hề dễ dàng trong khá nhiều trường hợp, “đôi khi phương thức và phương tiện rất khó tách bạch” [13, tr.7]. Việc xác định đâu là phương thức, đâu là phương tiện còn tùy vào những trường hợp cụ thể [10, tr.105].

Các phương thức khác nhau có tính năng khác nhau. Ví dụ, hình ảnh thiết lập ý nghĩa về mặt không gian, theo kiểu phi tuyến tính và tức thời, trong khi lời nói thể hiện ý nghĩa theo kiểu tuyến tính và theo thời gian. Những khác biệt như vậy có thể dẫn đến những hệ quả quan trọng” [24, tr.450].

Phương thức kí hiệu là sản phẩm của các nền văn hoá và “chúng ta có thể định nghĩa một nền văn hóa là một tập hợp các hệ thống kí hiệu, một tập hợp các hệ thống ý nghĩa, tất cả đều tương quan với nhau” ([7, tr.4] (dẫn theo O'Halloran [19, tr.120])).

### **1.3. Một số kiểu quan hệ giữa các phương thức trong một thực thể kí hiệu đa phương thức**

Một văn bản như bài nghiên cứu gồm hai phương thức biểu hiện đơn giản là hình ảnh tĩnh và ngôn ngữ viết, không thể phản ánh hết các mối quan hệ phức tạp giữa các phương thức trong một thực thể kí hiệu đa phương thức. Tất nhiên số lượng các phương thức càng nhiều và càng khác loại nhau thì quan hệ giữa chúng càng phức tạp ([14, tr.82]). Nghĩa “được tạo ra thông qua sự đồng triển khai (co-deployment) các phương thức khác nhau này, một cách vừa có ý thức vừa không có ý thức (hoặc tự động)” [14, tr.83]. Từ khái quát nhất mà nhiều nhà nghiên cứu dùng để chỉ quan hệ giữa các phương thức trong trường hợp này là “tích hợp” (integrate, integration). Về bản chất, mỗi phương thức kí hiệu đóng góp một tập hợp các ý nghĩa có thể có của nó. Tính thông tin của các phương thức trong một thực thể đa phương thức về cơ bản là một dấu hiệu thống nhất hơn là hai hoặc nhiều dấu hiệu độc lập [14, tr.83], và khi đó giá trị thông tin tương đối của mỗi phương thức sẽ được “nhân lên” (thuật ngữ trong nguyên bản của Lemke là “nhân nghĩa” - multiplying meaning) [15].

Sự tích hợp là quan hệ tổng thể giữa các phương thức trong một thực thể đa phương thức, gồm có ba loại quan hệ thường gặp như sau:

(i) Quan hệ bổ sung: Các phương thức có vai trò gần như nhau trong việc tạo nghĩa, kết hợp với nhau, phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu cho nhau. Ví dụ, trong sách giáo khoa khoa học, hình ảnh và chữ viết “ngang hàng” nhau, sơ đồ bổ sung cho ngôn ngữ viết [10, tr.25]. Lemke gọi đây là quan hệ “đôi tác của nhau”, như chữ viết và hình vẽ, ngôn ngữ nói và cử chỉ [14, tr.82].

(ii) Quan hệ tăng cường, gia cố: Thuật ngữ của Kress và van Leeuwen dùng chỉ quan hệ này là “reinforce” [13, tr.20]. Quan hệ này xảy ra khi các phương thức nói cùng một điều theo những cách khác nhau.

(iii) Quan hệ thứ bậc: Quan hệ này xảy ra khi các phương thức được sử dụng thì một phương thức nào đó giữ vai trò chủ đạo, thống trị, còn các phương thức còn lại giữ vai trò thứ yếu, phụ thuộc. Kress & van Leeuwen lấy ví dụ cho kiểu quan hệ này là trong phim hành động thì “hành động là chủ đạo, với âm nhạc thêm một chút màu sắc cảm xúc và âm thanh đồng bộ để tạo ra sự 'hiện diện' thực tế” [13, tr.20]. Quan hệ này chính là quan hệ bất bình đẳng.

Ngoài ra, xét theo nguồn gốc, Lemke [14, tr.82] có nói đến một kiểu quan hệ thứ tư là:

(iv) Quan hệ phát triển, tiến hoá: Quan hệ này xảy ra khi một phương thức được phát triển, tiến hoá từ một phương thức khác, như hệ thống kí hiệu toán học, khoa học hay ngôn ngữ lập trình máy tính phát triển, tiến hoá từ ngôn ngữ tự nhiên của con người.

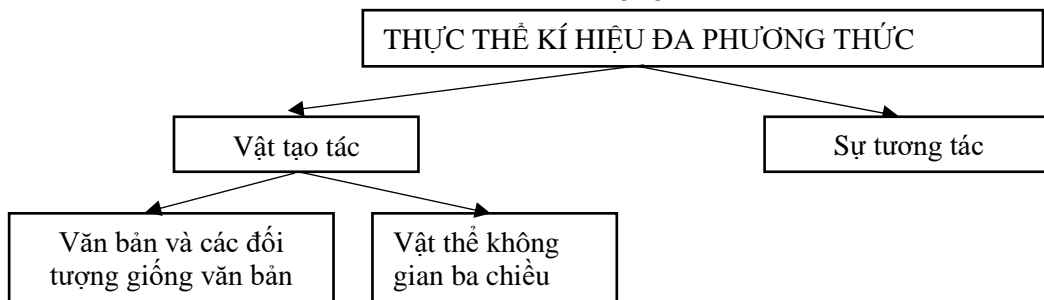
## **2. Đối tượng, phương pháp và kĩ thuật nghiên cứu**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Từ ngữ gọi tên chính xác nhất đối tượng nghiên cứu của MMDA là thực thể kí hiệu đa phương thức (multimodal semiotic entity; [12, tr.36]). Thực thể đa phương thức này, theo Kress [12, tr.36], giống như những thực thể ba chiều như khi sinh viên trong lớp học khoa học tạo mô hình 3D của tế bào thực vật hoặc khi họ biểu diễn một vở kịch do họ viết kịch bản trong lớp học văn học.

Thực thể đó, Jewitt, Bezemer & O’Halloran đã xác định gồm hai loại lớn là vật tạo tác (artefact) và sự tương tác (interaction) [10, tr.135]. Trong vật tạo tác thì có các đối tượng là văn bản như sách giáo khoa khoa học, tờ rơi, sơ đồ, bản đồ,... và các vật giống văn bản như áp phích phim, logo, quảng cáo, phim, truyền hình, video, ... và các vật thể không gian ba chiều<sup>7</sup> như một công trình kiến trúc, một món đồ chơi trẻ em,... Sự kiện tương tác được nghiên cứu thường là một cuộc hội thoại trong không gian một lớp học môn khoa học, một buổi triển lãm, một buổi làm việc trên thực địa của các nhà khảo cổ học,... Chúng ta có thể hình dung các loại đối tượng nghiên cứu của MDA qua sơ đồ chúng tôi tạm vẽ sau đây:

Hình 1. Sơ đồ các loại đối tượng nghiên cứu của MMDA



Việc phân tích vật tạo tác thường liên quan đến việc phân tích hình ảnh, chữ viết, màu sắc, kết cấu và bố cục. Như phân tích một biểu hiệu trên đường phố chúng ta có thể phân tích ngôn ngữ, màu sắc, hình ảnh, hình dạng, kích thước, bố cục, ánh sáng (nhân tạo),... của biểu hiệu đó. Việc phân tích sự tương tác thường liên quan đến việc phân tích lời nói, cử chỉ, điệu bộ cơ thể, ánh mắt, cách thức nói năng (giọng nói, nhịp điệu, nhịp độ, âm lượng,...) và cách thức người đối thoại dùng tay thao tác các đồ vật trong lúc hội thoại,... Việc chọn đối tượng nghiên cứu nào là tùy theo từng tác giả. Như Lemke chọn tương tác trong lớp học khoa học tự nhiên, một sự tương tác sử dụng rất nhiều các phương thức kí hiệu khác nhau: sơ đồ, kí hiệu và công thức toán học và hóa học, kịch bản về các quá trình tự nhiên, biểu diễn vật lí của các hiện tượng khoa học, trình chiếu và phim, mô hình vật lí 3D, v.v. [14, tr.82]. Một số tác giả khác, như Kress [32], Meng [16] lại chọn một cuộc triển lãm ở bảo tàng để nghiên cứu [12, tr. 42]. Trong quyển sách do O’Halloran [18] chủ biên, các tác giả như O’Toole chọn nhà hát Opera Sydney, Alias chọn một đường phố và một khách sạn ở Singapore, Guo chọn sách giáo khoa sinh học...

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phổ biến nhất được các nhà nghiên cứu MMDA sử dụng là phương pháp phân tích vi mô (micro-analytical method). Trong MMDA, phương pháp phân tích vi mô là phương pháp phân tích sâu và chi tiết các đoạn ngắn văn bản, hội thoại được lựa chọn, nghĩa là phân tích tài liệu ở cấp độ vi mô, tức là chú ý đến các chi tiết nhỏ về hình thức và ý nghĩa và chủ yếu được dùng với mục đích định tính. Phương pháp này được dùng nhiều trong cách tiếp cận MMDA của ngôn ngữ học chức năng hệ thống, kí hiệu học xã hội, phân tích hội thoại, phân tích tương tác, dân tộc học [10, tr.7, 11, 119, 138].

<sup>7</sup> Vật thể không gian ba chiều như một công trình kiến trúc, một món đồ chơi trẻ em,... và sự tương tác (sự phối hợp hoạt động giữa các thành viên trong một tổ chức,...) là đối tượng nghiên cứu của phân tích diễn ngôn vì các nhà phân tích diễn ngôn quan niệm có hai loại diễn ngôn theo quan điểm của Gee (Gee, J. P. *Social Linguistics and Literacies: Ideology in Discourses*, 3<sup>rd</sup> (Kindle) ed. Abingdon/New York: Routledge, tr. 2, 2008: “một mặt là các diễn ngôn (với chữ “đ” viết thường) theo nghĩa sử dụng và thực hành ngôn ngữ - nói và viết trong các bối cảnh và ngữ cảnh cụ thể. Mặt khác là các quá trình xã hội rộng lớn hơn như các hệ tư tưởng và các hệ thống giá trị hoặc chuẩn mực xã hội rộng lớn hơn - diễn ngôn với chữ “D.” viết hoa” (dẫn theo Heinrichsmeier [8, tr.147]).

Ngoài ra, các nhà nghiên cứu còn dùng phương pháp miêu tả hệ thống (systemic description) các nguồn lực kí hiệu được tổ chức theo các siêu chức năng trong thực thể kí hiệu đa phương thức nhằm tìm ra các đặc trưng tạo nghĩa của chúng [10, tr. 42] hoặc phương pháp phân tích lịch sử, chú trọng yếu tố ngữ cảnh, nhất là khi phân tích các vật tạo tác [10, tr.74].

Trong sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của thời đại kĩ thuật số và khối liệu điện tử, các nhà khoa học MMDA tiên phong chú trọng áp dụng các phương pháp mang tính chất kĩ thuật hiện đại. Chẳng hạn Kay O'Halloran cùng các cộng sự ở Đại học Quốc gia Singapore đề xuất cách tiếp cận kĩ thuật số bằng hỗn hợp phương pháp (mixed methods digital approaches; tích hợp các phương pháp định tính của MMDA được truyền tải bởi lí thuyết Ngôn ngữ học chức năng hệ thống của Halliday và Kí hiệu học xã hội, với các phương pháp định lượng khai thác dữ liệu và trực quan hóa thông tin) để xử lí sự phức tạp đa chiều của phân tích đa phương thức, đặc biệt là để phân tích các phương tiện động như video [23, tr.274].

Việc dùng khối liệu đa phương thức để nghiên cứu, tức là dùng phương pháp phân tích định lượng vĩ mô (method of quantitative macro-analysis). Phương pháp định lượng vĩ mô được dùng nhiều trong cách tiếp cận MMDA của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, phân tích khối liệu đa phương thức [10, tr.11, 138].

### 2.3. Kĩ thuật nghiên cứu

Ngoài việc sử dụng các thủ thuật nghiên cứu thông thường của khoa học xã hội nhân văn như quan sát, ghi chép, phỏng vấn, điều tra bằng bảng hỏi,... các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực MMDA còn sử dụng các kĩ thuật nghiên cứu đặc trưng như: quay video, sử dụng phần mềm phân tích chuyên dụng, phiên mã các yếu tố phi ngôn ngữ, theo dõi và phân tích chuyển động của mắt.

#### 2.3.1. Quay video

Dùng video để ghi lại một cuộc hội thoại, một sự kiện tương tác (ví dụ một cuộc triển lãm, một cuộc đối thoại giữa công nhân và chủ nhà máy) giúp các nhà nghiên cứu không chỉ nghiên cứu sâu lời nói mà còn các nguồn lực kí hiệu khác như cử chỉ, nét mặt, điệu bộ, giọng nói,... của các nhân vật liên quan [10, tr.116]. Có thể nói video là tư liệu nghiên cứu của MMDA, chứ không phải văn bản như trong phân tích diễn ngôn truyền thống. Video bổ sung, hỗ trợ cho việc quan sát trực tiếp của nhà nghiên cứu và trong rất nhiều trường hợp nó có thể thay thế cho quan sát trực tiếp của nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, video cũng có những hạn chế của nó, Jewitt, Bezemer và O'Halloran cho biết: “Mặc dù có khả năng ghi lại các sự kiện, bản ghi video, giống như tất cả các tài liệu nghiên cứu, một phần nào đó chỉ cung cấp một cái nhìn hạn chế về các sự kiện (ví dụ như không có tầm nhìn ngoại vi, khả năng di chuyển hạn chế, góc nhìn hẹp); trong video vừa bao gồm một số các yếu tố tương tác vừa loại trừ các yếu tố tương tác khác” [10, tr.141].

#### 2.3.2. Sử dụng phần mềm phân tích chuyên dụng

Theo Tan, O'Halloran & Wignell, “để nắm bắt được sự phong phú, phức tạp của các hiện tượng đa phương thức cần có các công cụ và phương pháp kĩ thuật số” mới có thể giải quyết các vấn đề trong quá trình phân tích như tổ chức dữ liệu theo các danh mục mã hóa, chú thích và tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, phân loại dữ liệu,... [23, tr. 272]. Để thực hiện các nhiệm vụ đó một cách nhanh chóng, chính xác, cần có “phần mềm được xây dựng có mục đích để phân tích các tập dữ liệu đa phương thức” [23, tr.272]. Đó là phần mềm phân tích hình ảnh (Analysis Image software; Jewitt), phần mềm phân tích video đa phương thức (Multimodal Analysis Video software) do nhóm nghiên cứu của Kay O' Halloran và các đồng nghiệp thiết kế theo cách tiếp cận MMDA của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống. Sự tích hợp giữa phân tích đa phương thức với các kĩ thuật máy tính giúp giải quyết các vấn đề phức tạp của MDA.

### 2.3.3. *Phiên mã các yếu tố phi ngôn ngữ (thành lời)*

Một điều quan trọng của MMDA là không chỉ nghiên cứu kí hiệu ngôn ngữ mà còn nghiên cứu rất nhiều nguồn kí hiệu khác. Vì vậy việc ghi chép, phiên chuyển các kí hiệu phi ngôn ngữ đó thành ngôn ngữ hoặc kí hiệu trung gian để phục vụ cho việc xử lí tư liệu, phân tích và miêu tả kết quả phân tích là cần thiết.

Về nguyên tắc, “bất kì ý nghĩa nào được thực hiện trong bất kì chế độ nào đều có thể được phiên mã (transcribe)” [10, tr.22]. Tuy nhiên, sự phiên mã luôn kèm theo một sự hao hụt thông tin nhất định vì phương tiện phiên mã không thể nào diễn tả chính xác và đầy đủ các ý nghĩa mà phương tiện kí hiệu gốc diễn tả. Theo Jewitt, Bezemer và O’Halloran, các nhà kí hiệu học xã hội đã lập luận rằng bất kì nỗ lực nào để dịch điều gì đó thành từ ngữ luôn bao gồm một loại “biến đổi” (transformation) hoặc “chuyển tính trạng” (transduction)” [10, tr.22]. Song sự phiên mã là cần thiết trong MMDA, đặc biệt trong cách tiếp cận MMDA của phân tích hội thoại. Trong địa hạt phiên mã của MMDA, G. Jefferson<sup>8</sup> là người dẫn đầu và đã phát triển “một tập hợp các kí hiệu quy ước để hiển thị một loạt các tính năng của cuộc trò chuyện” (theo [10, tr.97]). Trong số đó, một số kí hiệu được sử dụng “để mô tả cách các phát ngôn được kết nối, chẳng hạn là sự chồng gối, nối đuôi nhau hoặc có quãng ngừng; một số khác được sử dụng để mô tả ngữ điệu, cao độ, độ to, độ kéo dài âm thanh và các hiệu ứng của chúng, chẳng hạn như trọng âm hay sự nhấn mạnh; tuy nhiên một số khác được sử dụng để trình bày chi tiết chất lượng của giọng, chẳng hạn như giọng “cót két” và tiếng hít (hơi thở ra, hơi thở vào) [10, tr.97].

Norris trong nghiên cứu của mình về tương tác trong một gia đình người Đức tại phòng ăn đã sử dụng một số quy ước phiên mã như sau: lời nói được ghi bằng phông chữ thông thường, hành động phi ngôn ngữ được in nghiêng và người hoặc vật được trò đến hoặc nhìn vào được chỉ định bằng chữ in đậm, các hành động phi ngôn ngữ nhằm mục đích thông báo được gạch chân, dấu ngoặc vuông chỉ ra sự trùng lặp giữa các phát ngôn, từ ngữ nhấn mạnh được viết hoa [17, tr.106].

Hiện nay đã có một số phần mềm phiên mã dùng trong phân tích hội thoại, ví dụ phần mềm Elan do Học viện Ngôn ngữ học tâm lí Max Plank (Hà Lan) thiết kế là một công cụ rất hữu ích dùng trong công việc này [10, tr.98]. Baldry cho biết phần mềm hậu sản xuất “như Adobe Premiere đã giúp chuyển đổi phim thành một chuỗi ảnh tĩnh và do đó thành định dạng có thể in được”. Đây là một phần mềm phiên mã các phương thức kí hiệu trong phim và được các nhà nghiên cứu trong hướng tiếp cận MMDA của ngôn ngữ học chức năng hệ thống sử dụng. Những đổi mới công nghệ đã làm nảy sinh các phương pháp mô tả mới bao gồm: (a) phiên mã đa phương thức và (b) xây dựng kho ngữ liệu đa phương thức dựa trên máy tính cá nhân. Phương pháp này cho phép xây dựng lại quảng cáo truyền hình dưới dạng bảng chứa chuỗi khung hình theo trình tự thời gian, một kĩ thuật giúp giải quyết vấn đề khó khăn về kĩ thuật khi xử lí các thực thể ký hiệu đa phương thức động [2, tr.83 - 84].

### 2.3.4. *Theo dõi và phân tích chuyển động của mắt*

Kĩ thuật hay công nghệ theo dõi mắt (eye-tracking technology)<sup>9</sup>, trong đó “eye-tracking” có cách nói đầy đủ là “tracking and analysing eye movement” (theo dõi và phân tích chuyển động của mắt), là một thủ thuật nghiên cứu của tâm lí học dùng để đánh giá phản ứng của người tiếp nhận với các vật kích thích. MMDA, đặc biệt là cách tiếp cận MMDA của Ngôn ngữ học tri nhận đã sử dụng kĩ thuật nghiên cứu này như một thủ thuật cơ bản để đo đạc sự tiếp nhận của con người với các vật tạo tác (ví dụ với trang bìa của một tờ báo, một trang quảng cáo, một nhãn hàng, một sản phẩm hàng hoá,...) hoặc để kiểm tra các khái niệm của Kí hiệu học xã hội và lí thuyết về thiết kế.

<sup>8</sup> Jefferson, G. [11, tr.13-31].

<sup>9</sup> Nhóm tác giả Jewitt, Bezemer and O’Halloran (2016) có khi gọi “eye-tracking” là phương pháp.

Quá trình phân tích bao gồm phân tích chi tiết các chuyển động của mắt trong quá trình tiếp xúc với vật tạo tác thông qua hành vi nhìn, hướng nhìn, lượng thời gian dành cho mỗi mục, thứ tự đọc, các khía cạnh của vật tạo tác thu hút sự chú ý, v.v..

### 3. Các hạn chế hiện nay của phân tích diễn ngôn đa phương thức

MMDA hiện nay tuy còn một số bất cập nhưng cũng đã được các nhà nghiên cứu tìm cách giải quyết như: bản chất ẩn tượng chủ nghĩa của sự phân tích trong MMDA, thiếu các khuôn khổ phân tích ổn định, sự phụ thuộc mạnh mẽ vào các phạm trù ngôn ngữ - biểu hiện của “chủ nghĩa đế quốc ngôn ngữ” (linguistic imperialism) hay “chủ nghĩa ngôn ngữ là trung tâm” (logocentrism), và những vấn đề đặt ra khi thiếu các liên hệ cần thiết giữa sự miêu tả chi tiết các văn bản hoặc các tương tác đa phương thức với các vấn đề lí thuyết, phương pháp luận và văn hóa xã hội rộng lớn hơn.

Trong mỗi hướng nghiên cứu MMDA cụ thể lại có những bất cập riêng. Chẳng hạn như hướng nghiên cứu MMDA theo quan niệm Kí hiệu học xã hội bị chỉ trích là đọc quá nhiều từ một văn bản (overdeterminative), tức là cần phải suy nghĩ về những gì có thể và không thể sử dụng Kí hiệu học xã hội để làm.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng nghiên cứu có hệ thống về MMDA là một mâu thuẫn trong thuật ngữ vì không bao giờ có đủ tính ổn định trong diễn ngôn đa phương thức để cho phép khái quát hóa và cho đến nay, thành tựu nghiên cứu của MMDA vẫn chưa vượt ra khỏi cấp độ của sự miêu tả (descriptive level) để tiến đến cấp độ lí thuyết, cấp độ phương pháp luận [5, tr.2605-2606].

### 4. Kết luận

MMDA là một sự thay đổi phù hợp khi các phương thức kí hiệu trực quan đang ngày càng thách thức vai trò thống trị của ngôn ngữ trong mối quan hệ với các phương tiện thông tin truyền thông, mà việc giao tiếp chủ yếu dựa vào máy tính, internet và các phương tiện kĩ thuật. Theo Scollon & LeVine, phân tích diễn ngôn “như chúng ta biết bây giờ theo nhiều cách là sản phẩm của sự thay đổi công nghệ” [21, tr.1], và MMDA là lúc chúng ta “mở rộng ống kính để khám phá một cái nhìn đầy đủ hơn về cách con người giao tiếp” [21, tr.3]. Đặc trưng nổi bật của MMDA là tính đa dạng với rất nhiều hướng nghiên cứu khác nhau. Ngoài đối tượng nghiên cứu chung (thực thể kí hiệu đa phương thức), việc tìm ra các điểm chung về lí thuyết và phương pháp nghiên cứu giữa các hướng nghiên cứu là điều khá khó khăn. Tuy nhiên lĩnh vực nghiên cứu MMDA hứa hẹn mang lại nhiều điều mới mẻ, chẳng hạn như hệ thống thuật ngữ, hệ thống cách tiếp cận, hệ thống cách xử lí dữ liệu,... MMDA đang trên đường hoàn thiện các công cụ, quy trình lí thuyết và phương pháp luận của nó. Tuy nhiên nghiên cứu MMDA đặt ra nhiều khó khăn và thách thức hơn phân tích diễn ngôn truyền thống vì việc giải thích không gian ngữ nghĩa phức tạp bên trong và bên trên các hiện tượng đa phương thức bao giờ cũng khó khăn.

Sau cùng, có thể nói MMDA được xây dựng trên nền tảng của tính đa phương thức đã mang lại nhiều hiệu quả của sự hợp tác đa ngành. Tính liên ngành, kết hợp các chuyên gia của những lĩnh vực Kí hiệu học khác nhau của cộng đồng khoa học là một yêu cầu và cũng là một đòi hỏi của nghiên cứu MMDA.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alias, S. *A semiotic study of Singapore's Orchard Road and Marriott Hotel*. In O'Halloran, K. L. (ed.). *Multimodal discourse analysis: systemic - functional perspectives*. Continuum, London and New York, 55 - 82, 2004.
2. Baldry, A. P. *Phase and transition, type and instance: patterns in media texts as seen through a multimodal concordancer*. In O'Halloran, K. L. (ed.). *Multimodal discourse analysis: systemic-functional perspectives*. Continuum, London and New York, 83 - 108, 2004.
3. Chiew, A. K. K. *Multisemiotic mediation in hypertext*. In O'Halloran, K. L. (ed.). *Multimodal discourse analysis: systemic-functional perspectives*. Continuum, London and New York, 131 - 162, 2004.

4. Djonov, E. Book reviews: Carey Jewitt (ed.). *The routledge handbook of multimodal analysis*. Routledge, New York, 2009, Visual Communication, 11: 237. 237-243, 2012.
5. Forceville, C. J. Book review, Carey Jewitt (ed.). *The routledge handbook of multimodal analysis*, Routledge, London, 2009, Journal of Pragmatics 42, 2604-2608.
6. Guo, L. *Multimodality in a biology textbook*. In O'Halloran, K. L. (ed.) *Multimodal discourse analysis: systemic-functional perspectives*. Continuum, London and New York, 196 - 219, 2004.
7. Halliday, M.A.K. and Hasan, R. *Language, context and text: aspects of language in a social-semiotic perspective*. Deakin University Press, Geelong, 1985.
8. Heinrichsmeier, R. *Doing micro-analysis of discourse: the case of ageing and wellbeing*. In De Fina, A. and Georgakopoulou, A. (eds.). *The Cambridge handbook of discourse studies*. Cambridge University Press, Cambridge, 143-164, 2020.
9. Jewitt, C. *Multimodality and new communication technologies*. In Levine, P. & Scollon, R. (eds.). *Discourse and technology: multimodal discourse analysis*. Georgetown University Press, Washington DC, 184-195, 2004.
10. Jewitt, C., Bezemer, J. and O'Halloran, K. L. *Introducing multimodality*. Routledge, London and New York, 2016.
11. Jefferson, G. *Glossary of transcript symbols with an introduction*. In G. H. Lerner (Ed.). *Conversation analysis: Studies from the first generation*. John Benjamins, Amsterdam, pp: 13-31, 2004.
12. Kress, G. *Multimodal discourse analysis*. In Gee, P. and Handford, M. (eds.). *The routledge handbook of discourse analysis*. Routledge, London and New York, 35-50, 2012.
13. Kress, G. and van Leeuwen, T. *Multimodal discourse*, Arnold, London, 2001.
14. Lemke, J. L.. *Multimedia and discourse analysis*. In Gee, P. and Handford, M. (eds.). *The routledge handbook of discourse analysis*. Routledge, London and New York, 79-89, 2012.
15. Lemke, J. L. *Multiplying meaning: visual and verbal semiotics in scientific text*. In J. R. Martin and R. Veel (eds.). *Reading science: critical and functional perspectives on discourses of science*. Routledge, London, 87 - 113, 1998.
16. Meng, A. P. K. *Making history in from colony to nation: a multimodal analysis of a museum exhibition in Singapore*. In O'Halloran, K. L. (ed.). *Multimodal discourse analysis: systemic-functional perspectives*. Continuum, London and New York, 28-54, 2004.
17. Norris, S.. *Multimodal discourse analysis: a conceptual framework*. In Levine, P. & Scollon, R. (eds.). *Discourse and technology: multimodal discourse analysis*. Georgetown University Press, Washington DC, 184 - 195, 101 - 115, 2004.
18. O'Halloran, K. L. *Introduction*. In O'Halloran, K. L. (ed.). *Multimodal discourse analysis: systemic-functional perspectives*. Continuum, London and New York , 1-7, 2004.
19. O'Halloran, K. L. *Multimodal discourse analysis*. In K. Hyland and B. Paltridge (eds.). *Bloomsbury companion to discourse analysis*. Bloomsbury, London, 120-37, 2011.
20. O'Toole, M. *Opera Ludentes: the Sydney Opera House at work and play*. In O'Halloran, K. L. (ed.). *Multimodal discourse analysis: systemic-functional perspectives*. Continuum, London and New York, 11 - 27, 2004.
21. Scollon, R. & LeVine, P. *Multimodal discourse analysis as the confluence of discourse and technology*. In Levine, P. & Scollon, R. (eds.). *Discourse and technology: multimodal discourse analysis*. Georgetown University Press, Washington DC, 1 - 6, 2004.
22. Sinclair và Coulthard. *Towards an analysis of discourse*. Oxford University Press, London, 1975.
23. Tan, S., O'Halloran, K. and Peter Wignell, P.. *Multimodality*. In De Fina, A. and Georgakopoulou, A. (eds.). *The Cambridge handbook of discourse studies*. Cambridge University Press, Cambridge, 263 - 281, 2020.
24. van Leeuwen, *Multimodality*. In Tannen, D., Hamilton, H. E. and Schiffrin, D. (eds). *The Handbook of discourse analysis*. (Second Edition) (Volume I & II), Wiley Blackwell, 447 - 465, 2015.